

NGHỊ QUYẾT

Về phân bổ kế hoạch vốn dự phòng đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 tỉnh Tuyên Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XIX
KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2287/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Về việc công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu thuộc tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình môi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-BTC ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính Về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Xét Tờ trình số 12/TTr-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về dự thảo Nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn dự phòng đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 19/BC-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn dự phòng đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 tỉnh Tuyên Quang, như sau:

Tổng nguồn vốn Trung ương giao: 48.958,0 triệu đồng, trong đó:

1. Vốn dự phòng đầu tư phát triển năm 2022: 6.768,0 triệu đồng (xây dựng Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang).

2. Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương giao bổ sung năm 2022: 42.190,0 triệu đồng, trong đó:

a) Các huyện, thành phố: 25.425,645 triệu đồng, cụ thể:

- Huyện Lâm Bình: 1.481,0 triệu đồng.
- Huyện Chiêm Hóa: 7.584,0 triệu đồng.
- Huyện Na Hang: 2.667,0 triệu đồng.
- Huyện Hàm Yên: 1.673,795 triệu đồng.
- Huyện Yên Sơn: 4.828,0 triệu đồng.
- Huyện Sơn Dương: 6.339,85 triệu đồng.
- Thành phố Tuyên Quang: 852,0 triệu đồng.

b) Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh: 16.764,355 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề lần thứ 4 thông qua ngày 28 tháng 02 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

**BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ VỐN SỰ NGHIỆP
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH TUYỀN QUANG, NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch phân bổ	Chia theo nội dung thành phần									
			Thành phần số 01	Thành phần số 02	Thành phần số 03	Thành phần số 06	Thành phần số 07	Thành phần số 08	Thành phần số 09	Thành phần số 10	Thành phần số 11	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Tổng cộng		48.958										
I	Vốn dự phòng vốn đầu tư phát triển năm 2022	6.768										
1	Huyện Hàm Yên	6.768										
II	Vốn Sự nghiệp năm 2022	42.190	11.352	10.922,520	7.773,095	300	960	406,504	613,811	228,995	9.633,075	
1	Huyện Lâm Bình	1.481	1.161	0	140						180	
2	Huyện Chiêm Hóa	7.584	2.322	1.835	1.710	300	220				1.197	
3	Huyện Na Hang	2.667	1.032	0	1.165		90				380	
4	Huyện Hàm Yên	1.673,795	387	210	334,800		160				582	
5	Huyện Yên Sơn	4.828	2.838	920	200		300				570	
6	Huyện Sơn Dương	6.339,850	3.225	1.115	1.274,850						725	
7	Thành phố Tuyên Quang	852	387		20		190				255	
8	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	20	0								20	
9	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	3.101,760									3.101,760	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	6.862,520		6.842,520							20	
11	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	353,319							247,170		106,149	
12	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	98,861							78,861		20	
13	Hội Nông dân tỉnh	891,455			180,075				287,780		423,600	

